



Thức nhận mùa xuân

(Khía cạnh văn hoá của quá trình phát triển)

TRẦN TRUNG PHƯỢNG

Trong bốn mùa của trời đất tự nhiên, có lẽ Mùa Xuân là mùa thể hiện khát vọng của con người một cách sâu xa và toàn diện nhất. Một khát vọng hướng tới những gì tốt đẹp, cao cả và thiêng liêng nhất mà con người có thể tạo ra trên trái đất này không chỉ bằng sức mạnh khoa học, vật chất của mình mà còn bằng cả sức mạnh tinh thần và tâm linh nữa. Đã từ lâu, những khái niệm quen thuộc như “Mùa Xuân Nhân Loại”, “Mùa Xuân Dân Tộc” đã đi vào ngôn ngữ văn chương, triết thuyết của loài người và của dân tộc như một lí tưởng Chân-Thiện-Mỹ cao cả nhất mà con người có thể nghĩ ra và có quyền mơ ước, tuy vẫn biết rằng giữa thực tại và mơ ước bao giờ cũng là một khoảng cách xa diệu vợi. Dẫu biết rằng, ngay trong giây

phút này đây, ở nơi này hoặc nơi khác trên thế giới, bom đạn vẫn tiếp tục nổ, trẻ em vẫn tiếp tục chết vì suy dinh dưỡng, môi trường vẫn bị tàn phá một cách không thương tiếc...nhưng không vì thế mà con người lại thôi mơ ước về một tương lai tốt đẹp hơn cho mình.

Từ bức “thông điệp văn hoá” của người xưa...

Thực ra, cái gọi là bức “thông điệp văn hoá” này chỉ là một ký tự đơn giản đã được người xưa tóm gọn lại một cách thực tài tình trong một chữ tượng hình mang đầy ý nghĩa triết học và văn hoá. Đó chính là chữ 春 (Xuân) với bộ “nhân” (người) nằm xuyên qua cả ba yếu tố của “tam tài” là thiên, địa và nhân với một hàm nghĩa thật rõ ràng: Mùa Xuân là mùa cả ba “yếu tố cơ bản của vũ trụ là trời, đất, người thống

nhất lại với nhau thành một, là mùa của sự kết hợp hài hoà của những yếu tố có vẻ như mâu thuẫn và đối kháng với nhau. Đó cũng chính là mùa “Vạn vật giai bị ư ngã” (Cả vũ trụ vạn vật đều hiện diện đầy đủ trong cái ta của mỗi người). Có thể nói nét vạch xuyên suốt cả ba yếu tố thiên, địa, nhân là nét mang ý nghĩa quan trọng nhất của chữ Xuân. Chính trong Mùa Xuân mà con người mới có thể thực hiện được những kết hợp tốt đẹp nhất của mình không chỉ trong những mối quan hệ hàng ngang, quan hệ giữa người với người mà còn cả trong những mối quan hệ hàng dọc, quan hệ giữa con người với trời đất, tự nhiên. Tất cả đều toát lên một vẻ đẹp tâm linh, thần thánh.

Nói theo ngôn ngữ văn hoá ngày nay, khái niệm “tam tài” của

người xưa có thể được xem là một biểu trưng văn hoá dùng để chỉ ba loại hình văn hoá lớn của nhân loại là Văn hoá khoa học, (tài “địa”), Văn hoá thể chế (tài “nhân”) và Văn hoá tâm linh (Tài “thiên”). Với cách hiểu theo quan điểm thuần tuý văn hoá này. Một Mùa Xuân Văn Hoá đích thực chỉ thực sự đến với nhân loại khi con người có khả năng liên kết và thống nhất cả ba loại hình văn hoá cơ bản nói trên thành một “phức thể văn hoá” có tính chất tích hợp và toàn năng. Nếu nhìn văn hoá theo quan điểm toàn năng (holistic) như thế thì giữa Văn hoá khoa học (lấy tinh thần duy lý làm nguyên tắc cơ bản) và Văn hoá tâm linh (lấy duy cảm và niềm tin làm điểm tựa) hoàn toàn không có tính chất mâu thuẫn, đối kháng hoặc loại trừ nhau như chúng ta vẫn thường nghĩ mà trái lại, cả hai có tính chất bổ sung cho nhau hoặc chí ít là độc lập với nhau.

Nếu một trong những đặc trưng cơ bản của tư duy khoa học là tính phân tích thì ở tư duy văn hoá, đặc trưng cơ bản đó chính là sự tổng hợp ở cả chiều rộng lẫn chiều sâu, không chỉ trên bình diện hiện thực xã hội mà còn cả trong lĩnh vực tâm thức của con người. Nếu trên các bình diện chính trị và kinh tế, vấn đề liên minh, liên kết đã được đặt ra từ rất lâu, thì trong lĩnh vực văn hoá, vấn đề “liên thông” (liên thông văn hoá) cũng cần được đặt ra, theo đúng tinh thần của chữ Xuân (春) như vừa được phân tích ở trên.

...Đến nền tảng văn hoá của sự phát triển ngày nay

Huấn luyện viên trưởng của đội tuyển bóng đá U23 Việt Nam, ông Alfred Riedle, có một câu nói nổi tiếng mà mọi người đều biết: “Bóng đá Việt Nam xây nhà từ trên nóc”. Với một ý nghĩa tương tự, chúng ta có thể nói rằng quá trình phát triển kinh tế của đất nước trong hơn hai thập niên vừa qua chủ yếu diễn ra ở phần ngọn hơn là ở phần gốc. Hay nói cách khác, trong khi quá nhấn mạnh đến các yếu tố vật chất hữu hình, tức là những yếu tố có thể mang lại hiệu quả kinh tế nhanh chóng tức thời (như các nguồn lực

đầu tư trong và ngoài nước...), chúng ta gần như xem nhẹ các yếu tố văn hoá vô hình (thuộc ba loại hình văn hoá cơ bản nói trên) là những yếu tố, do bản chất của nó, đòi hỏi một tầm nhìn dài hạn và những đầu tư không thể tính đến hiệu quả nhanh chóng, tức thời. Nếu chỉ dùng những giải pháp tình thế, chấp vá trong lĩnh vực văn hoá (mà bộ phận quan trọng nhất trong lĩnh vực này chính là hệ thống giáo dục) thì những kết quả đạt được sẽ rất hạn chế và dễ bị xói mòn. Điều quan trọng ở đây là phải tìm ra những giải pháp bền vững, lâu dài để bảo vệ tính toàn vẹn của quá trình phát triển chứ không phải là phá hoại nó bằng những giải pháp nhất thời có tính chất đối phó với tình thế.

Cả ba nền Văn hoá khoa học, Văn hoá thể chế và Văn hoá tâm linh chính là ba cột trụ tạo nên một nền tảng vững chắc của bất cứ một quá trình phát triển kinh tế-xã hội nào. Khái niệm “phát triển bền

vững” mà chúng ta thường đề cập đến cũng cần phải được hiểu theo nghĩa rộng, gắn liền với ba trụ cột văn hoá nói trên. Vấn đề không phải chỉ là thực hiện một vài công cuộc cải cách hành chính ở nơi này hoặc nơi khác, mà vấn đề đòi hỏi phải có một tầm nhìn dài hạn hơn. Đó là xây dựng cả một nền “Văn hoá thể chế” đủ sức tạo ra và duy trì một cách bền vững động lực phát triển của cả quá trình kinh tế và xã hội. Cũng thế, các vấn đề về khoa học kỹ thuật và cả các giá trị tinh thần khác cũng cần phải được khảo sát và đánh giá theo tầm nhìn văn hoá có tính chất hệ thống mở và động. Tóm lại, theo cách chiết tự nói trên, khái niệm “phát triển” mà chúng ta đề cập ở đây là một kiểu phát triển đi theo hướng của Mùa Xuân (hiểu theo ý nghĩa biểu trưng văn hoá), một hình thức phát triển có tính chất toàn diện, hài hoà và bền vững. Đó cũng là một kiểu phát triển có văn hoá và dựa trên nền tảng văn hoá ■

10 đặc điểm của người Việt?

1. Cẩn cù lao động song dễ thỏa mãn nên tâm lý hưởng thụ còn nặng.
2. Thông minh, sáng tạo, song chỉ có tính chất đối phó, thiếu tầm tư duy dài hạn, chủ động.
3. Khéo léo, song không duy trì đến cùng (ít quan tâm đến sự hoàn thiện cuối cùng của sản phẩm).
4. Vừa thực tế, vừa mơ mộng, song lại không có ý thức nâng lên thành lý luận.
5. Ham học hỏi, có khả năng tiếp thu nhanh, song ít khi học “đến đầu đến đuôi” nên kiến thức không hệ thống, mất cơ bản. Ngoài ra, học tập không phải là mục tiêu tự thân của mỗi người Việt Nam (nhỏ học vì gia đình, lớn lên học vì sĩ diện, vì kiếm công ăn việc làm, ít vì chí khí, đam mê).
6. Xởi lởi, chiêu khách, song không bền.
7. Tiết kiệm, song nhiều khi hoang phí vì những mục tiêu vô bổ (sĩ diện, khoe khoang, thích hơn đời).
8. Có tinh thần đoàn kết, tương thân, tương ái, song hầu như chỉ trong những hoàn cảnh, trường hợp khó khăn, khẩn cấp. Còn trong điều kiện sống tốt hơn, giàu có hơn thì tinh thần này rất ít xuất hiện.
9. Yêu hòa bình, nhẫn nhịn, song nhiều khi lại hiếu chiến, hiếu thắng vì những lý do tự ái, lật vặt, đánh mất đại cục.
10. Thích tự tập, nhưng lại thiếu tính liên kết để tạo ra sức mạnh (Cùng một việc, một người làm thì tốt, ba người làm thì kém, bảy người làm thì hỏng).

BK (sưu tầm)